

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BUÔN HỒ
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2019/HS-ST

Ngày: 24-4-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BUÔN HỒ, TỈNH ĐẮK LẮK**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Kim Chung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Quỳnh Hải;
2. Ông Hồ Văn Hạnh.

Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thị Mai – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Dương Minh Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2019, tại phòng xét xử, Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 17/2019/TLST-HS ngày 26 tháng 3 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2019/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 4 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: NGUYỄN THỊ THU H, sinh ngày 20-10-1970 tại tỉnh Q; nơi thường trú: TDP 9, phường T, thành phố Q, tỉnh Q; nơi tạm trú: TDP 5, phường T, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn lớp: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn S (đã chết) và bà Bùi Thị B; chồng: Hà Xuân P (đã chết) và có 02 người con, con lớn sinh năm 1989, con nhỏ sinh năm 2000; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 16-01-2019 đến ngày 19-01-2019, sau đó bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 19-01-2019 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

+ *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Ông Tô Sỹ C; vắng mặt

Nơi cư trú: Số 1125 H, tổ dân phố 5, phường T, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk; (có đơn xin xét xử vắng mặt).

+ *Người làm chứng:*

1. Anh Nguyễn Trung T; vắng mặt

Nơi cư trú: Tổ dân phố T, phường T, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

2. Anh Trần Quốc H; vắng mặt

Nơi cư trú: Tổ dân phố 5, phường T, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

3. Anh Lê Hồng T; vắng mặt

Nơi cư trú: Tổ dân phố 5, phường T, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

(có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2015, Nguyễn Thị Thu H quê ở tỉnh Q đến tạm trú và sinh sống tại TDP 5, phường T, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk sau đó thuê nhà của ông Tô Sỹ C, tại số 1125 đường H, TDP 5, phường T, thị xã B để mở tiệm bán hàng tạp hóa. Đầu tháng 01/2019 H nảy sinh ý định ghi số đề cho người khác để kiếm thêm thu nhập cho bản thân. Để thực hiện việc ghi số đề Hà chuẩn bị 01 cây bút bi màu xanh, 01 tập giấy màu vàng kích thước (7,4x7,5)cm làm công cụ ghi số đề cho những người đến mua đề. Hình thức chơi số đề, là sau khi thỏa thuận với người mua số đề, H dùng mẫu giấy màu vàng rồi viết số đề, số tiền mua, lô đề, Đài mở thưởng và giao cho người mua đề giữ làm căn cứ trả tiền thắng đề (gọi là phơ đề). Chơi số đề là một hình thức đánh bạc trái phép, những người tham gia bao gồm chủ đề và con đề (người mua đề); chủ đề là người trực tiếp tổ chức việc ghi phơ đề, thu tiền bán số đề và trả tiền thắng cho người mua đề. Cách thức chơi số đề, hàng ngày căn cứ vào việc phát hành vé xổ số và kết quả mở thưởng của các Công ty xổ số cấp tỉnh, như: Công ty xổ số thành phố Đà Nẵng, tỉnh Khánh Hòa, tỉnh Gia Lai... (người chơi đề thường gọi là Đài); người mua số đề có quyền lựa chọn số, cách đánh, số tiền mua và Đài mở thưởng, như: Người mua số đề có 02 chữ số bao gồm đầu, hay đuôi (đầu là hai số của giải tám và đuôi là hai số cuối của giải đặc biệt Đài mở thưởng); hoặc đánh đề có hai chữ số bao lô (là người mua số đề, mua toàn bộ từ hai số của giải tám đến hai số cuối từ giải bảy đến giải đặc biệt của lô đề Đài mở thưởng); tỷ lệ được thua 1/70 lần (mua 1000đ nếu thắng được 70.000đ). Người mua số đề đánh đá nghĩa là người mua số đề chọn mua hai số đá với nhau, như mua số 86 đá số 68, số tiền người mua số đề phải trả gấp đôi (01 điểm thành 02 điểm) tỷ lệ được thua 1/250 lần (mua 01 điểm nếu thắng được 250.000đ), theo quy ước mua một điểm tương đương 13.000đ. Người mua số đề có 03 chữ số bao gồm đầu, hay đuôi (đầu là ba số của giải bảy và đuôi là ba số cuối của giải đặc biệt Đài mở thưởng); hoặc đánh đề có ba chữ số bao lô (là người mua số đề, mua ba số của giải bảy đến toàn bộ ba số cuối từ giải sáu đến giải đặc biệt lô đề của Đài mở thưởng); tỷ lệ được thua 1/500 lần (mua 1000đ nếu thắng được 500.000đ), theo quy ước mua một điểm tương ứng 13.000đ. Nếu người mua số đề thắng thì H sẽ trả cho người mua tỷ lệ tương ứng như đã thỏa thuận, nếu người mua số đề thua thì thua hết số tiền đã mua, H thường bán số đề cho những người chơi số đề có hai chữ số hoặc ba chữ số.

Như thường lệ, ngày 16/01/2019 H mở quán tạp hóa để bán hàng và bán số đề cho người khác. Khoảng 16 giờ cùng ngày, H ghi số đề cho Nguyễn Trung T mua số 32 bao lô 50 điểm tương đương số tiền 650.000đ; mua số 72 bao lô 50 điểm tương đương số tiền 650.000đ; mua số 44 bao lô 20 điểm tương đương số tiền 260.000đ; H bán số đề cho T tổng số 120 điểm tương đương số tiền 1.560.000đ, tất cả đều mua Đài Đà Nẵng phát hành và mở thưởng ngày 16/01/2019, sau đó T đưa cho H số tiền 1.600.000đ, khi H viết phơ đề chuẩn bị đưa và trả tiền thừa 40.000đ cho T, thì bị CQCSĐT Công an thị xã Buôn Hồ bắt quả tang thu giữ tang vật.

Trong quá trình điều tra H khai nhận, trước khi bị bắt vào khoảng 10 giờ ngày 16/01/2019 H bán số đề cho Trần Quốc H, sinh năm 1990 trú tại TDP 5, phường T, thị xã B đánh đề Đài Đà Nẵng mở thưởng ngày 16/01/2019, cụ thể là: H mua số 698 bao lô 20 điểm tương đương số tiền 260.000đ; mua số 86 bao lô 10 điểm tương đương số tiền 130.000đ và mua số 86 đá số 68 bao lô 05 điểm nhân đôi thành 10 điểm tương đương số tiền 130.000đ; tiếp đó vào khoảng 15 giờ cùng ngày, H tiếp tục mua số 48 bao lô 100 điểm tương đương số tiền 1.300.000đ; mua số 16 bao lô 50 điểm tương đương số tiền 650.000đ; mua số 26 bao lô 50 điểm tương đương số tiền 650.000đ và mua số 47 bao lô 50 điểm tương đương số tiền 650.000đ. Tổng số H mua số đề của H là 290 điểm tương đương số tiền 3.770.000đ (*Ba triệu, bảy trăm bảy mươi nghìn đồng*) số tiền này H đã đưa cho H. Đến thời điểm bị bắt đài xổ số Đà Nẵng chưa quay số mở thưởng, nên chưa có kết quả xác định thắng thua.

- Vật chứng vụ án CQCSĐT Công an thị xã Buôn Hồ thu giữ khi bắt quả tang, bao gồm:

+ Thu của bị cáo Nguyễn Thị Thu H số tiền 5.370.000đ (*Năm triệu, ba trăm bảy mươi nghìn đồng*); 01 phơ đề ghi nội dung “Đà Nẵng 16/1, 32x50, 72x50, 44x20 tổng cộng 120 điểm tương đương 1.560.000đ”; 01 cây bút bi màu xanh và 01 xấp giấy màu vàng kích thước (7,4x7,5)cm.

+ Trần Quốc Hưng tự nguyện giao nộp 02 phơ đề có ghi nội dung “Đà Nẵng 16/1, 698x20, 86x10, 86 đá 68x5, tổng cộng 40 điểm tương đương 520.000đ; Đà Nẵng 16/1, 48x100, 16 x50, 26 x50, 47x50 tổng cộng 250 điểm tương đương 3.250.000đ”.

Bản cáo trạng số 21/CT-VKSBH ngày 25 tháng 3 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị Thu H về tội: “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ giữ quyền công tố trình bày luận tội và tranh luận xác định: Do ý thức coi thường pháp luật và động cơ tư lợi cá nhân. Nên vào ngày 16/01/2019, tại số nhà 1125 đường H, TDP 5, phường T, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk. Bị cáo Nguyễn Thị Thu H đã có hành vi Đánh bạc trái phép được thua bằng tiền dưới hình thức chơi số đề với Nguyễn Trung T và Trần Quốc H. Tổng số tiền bị cáo dùng vào việc đánh bạc là 5.330.000đ, hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc”. Do đó, Viện kiểm sát giữ nguyên quan

điểm truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1, khoản 2 Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị Thu H từ 06 đến 09 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng.

Về xử lý vật chứng:

Căn cứ vào điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm b khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu, tiêu hủy: 01 cây bút bi màu xanh và 01 xấp giấy màu vàng kích thước (7,4x7,5)cm đây là công cụ bị cáo sử dụng vào việc phạm tội và không còn giá trị sử dụng; đối với 03 tờ phơ đề có ghi nội dung của việc chơi số đề tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án.

Đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu, sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 5.330.000 đồng (đây là số tiền do bị cáo phạm tội mà có).

Đối với số tiền 40.000 đồng là tiền ghi đề còn thừa của anh T, việc Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại cho anh T là có căn cứ.

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Thị Thu H khai nhận hành vi phạm tội của mình phù hợp với hành vi mà nội dung bản cáo trạng Viện kiểm sát truy tố. Bị cáo thừa nhận Viện kiểm sát truy tố và kết luận bị cáo phạm tội “Đánh bạc” là đúng, bị cáo không tranh luận gì với đại diện viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã Buôn Hồ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tố tụng, người tiến hành tố tụng đã được thực hiện đều hợp pháp.

[2] Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Thị Thu H khai nhận: Do hám lợi nên bị cáo nảy sinh ý định ghi số đề cho người khác để kiếm thêm thu nhập cho bản thân nên vào ngày 16/01/2019, tại số nhà 1125 đường H, TDP 5, phường T, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk, bị cáo Nguyễn Thị Thu H đã có hành vi đánh bạc trái phép được thua bằng tiền dưới hình thức chơi số đề với Nguyễn Trung T và Trần Quốc H. Tổng số tiền bị cáo dùng vào việc đánh bạc là 5.330.000 đồng, nên Viện kiểm sát truy tố và kết luận bị cáo phạm tội đánh bạc là đúng, bị cáo không tranh luận gì với đại diện viện kiểm sát.

[2.1] Lời khai của bị cáo là phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác được thu thập có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra tại phiên tòa.

[2.2] Bị cáo là người có khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi của bản thân trong cuộc sống. Bị cáo biết được rằng pháp luật nghiêm cấm việc đánh bạc trái phép bằng tiền hoặc hiện vật dưới mọi hình thức, mọi hành vi vi phạm đều bị trừng trị nghiêm khắc. Tệ nạn đánh bạc còn là nguyên nhân làm phát sinh các loại tội phạm khác. Do đó, hành vi của bị cáo đã phạm vào tội: “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm ”.

[3] Xét tính chất của vụ án, hành vi phạm tội của bị cáo gây ra không những đã xâm phạm đến trật tự công cộng mà còn gây nên những ảnh hưởng xấu đến trật tự, trị an tại địa phương. Vì vậy, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự do hành vi của mình gây ra.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Xét thấy quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, thể hiện sự ăn năn hối cải, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, do vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, vì vậy, cần xem xét giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo trong khi lượng hình để thể hiện chính sách khoan hồng đối với người phạm tội, Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần cho bị cáo tự cải tạo ngoài cộng đồng dưới sự giám sát của chính quyền địa phương và gia đình cũng đủ tác dụng răn đe giáo dục đối với bị cáo.

[6] Xét quan điểm của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo phạm tội “Đánh bạc” đề nghị mức hình phạt, về xử lý vật chứng là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về xử lý vật chứng:

[7.1] Đối với 01 cây bút bi màu xanh và 01 xấp giấy màu vàng kích thước (7,4x7,5)cm đây là công cụ bị cáo sử dụng vào việc phạm tội và không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy;

[7.2] Đối với số tiền 5.330.000 đồng (đây là số tiền do bị cáo phạm tội mà có) nên cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước; đối với số tiền 40.000 đồng là tiền ghi đề còn thừa của anh T, việc Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại cho anh T là có căn cứ.

Phù hợp với điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự và điểm b khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

[7.3] Đối với 03 tờ phơ đề tiếp tục lưu trữ trong hồ sơ vụ án.

[8] Trong vụ án này, Nguyễn Trung T người mua số đề của bị cáo số tiền 1.560.000 đồng và Trần Quốc H người mua số đề của bị cáo số tiền 3.770.000 đồng, theo quy định của pháp luật thì hành vi của T và H chưa đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc”, vì số tiền T và H sử dụng vào mục đích đánh bạc dưới 5.000.000 đồng; hơn nữa hai đối tượng này chưa có tiền án, tiền sự về tội “Đánh bạc” và tội “Tổ chức đánh bạc”, nên CQCSĐT Công an thị xã Buôn Hồ xử lý hành chính là có căn cứ.

[9] Đối với quán tạp hóa mà bị cáo dùng làm địa điểm phạm tội, bị cáo thuê của ông Tô Sỹ C để kinh doanh buôn bán. Việc bị cáo sử dụng làm địa điểm phạm tội, ông Chiến hoàn toàn không biết nên không đề cập xử lý là có căn cứ.

[10] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo **Nguyễn Thị Thu H** phạm tội: “Đánh bạc” .

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: **Bị cáo Nguyễn Thị Thu H 06 (sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (một) năm.** Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường Thiện An, thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk để giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân phường Thiện An trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp bị cáo Nguyễn Thị Thu H thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Về xử lý vật chứng:

Căn cứ vào điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm b khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 5.330.000 đồng của bị cáo Nguyễn Thị Thu H (số tiền do bị cáo phạm tội mà có).

Tịch thu, tiêu hủy 01 cây bút bi màu xanh và 01 xấp giấy màu vàng kích thước (7,4x7,5)cm đây là công cụ bị cáo sử dụng vào việc phạm tội và không còn giá trị sử

dụng (Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 26/3/2019 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Buôn Hồ với Chi cục thi hành án dân sự thị xã Buôn Hồ, vật chứng do Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Buôn Hồ quản lý).

Đối với 03 tờ phờ đề tiếp tục lưu trữ trong hồ sơ vụ án.

Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại cho anh T số tiền 40.000 đồng (là tiền ghi đề còn thừa của anh T).

- **Về án phí:** Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Thị Thu H phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

- **Về quyền kháng cáo:** Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND thị xã Buôn Hồ;
- Công an thị xã Buôn Hồ;
- Chi cục THADS Tx. Buôn Hồ;
- Bị cáo;
- Dương sự;
- THAHS;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Kim Chung